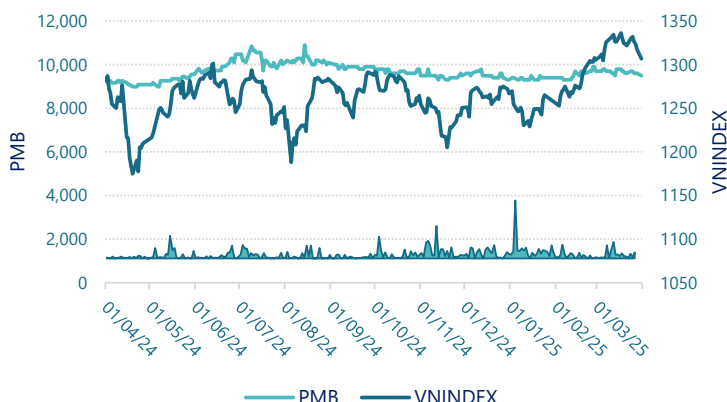


CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (HNX: PMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,988
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,515
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	114
P/E	8.0
EPS	1,193

DT thuần

Q1/25

735

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 265 | 56.4%

YoY: ▲ 214 | 41.1%

LN sau thuế

Q1/25

8.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.52 |

YoY: ▲ 4.42 | 108%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.6%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

2,153

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00 | 0.3%

LN sau thuế

2024

9.90

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.57 | 56.5%

ROE

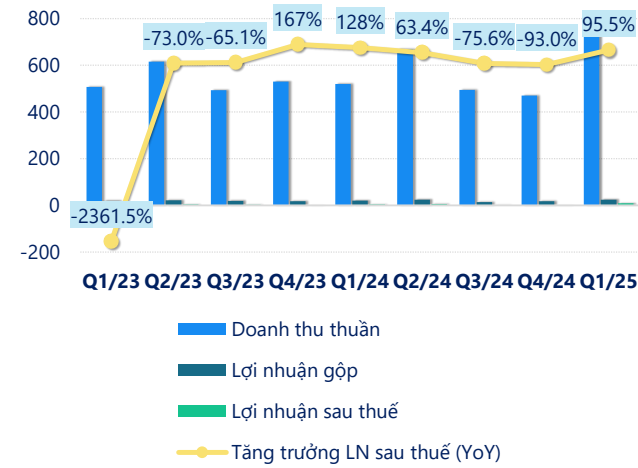
2024

6.9%

+/- YoY: ▲ 2.7%

tỷ VNĐ

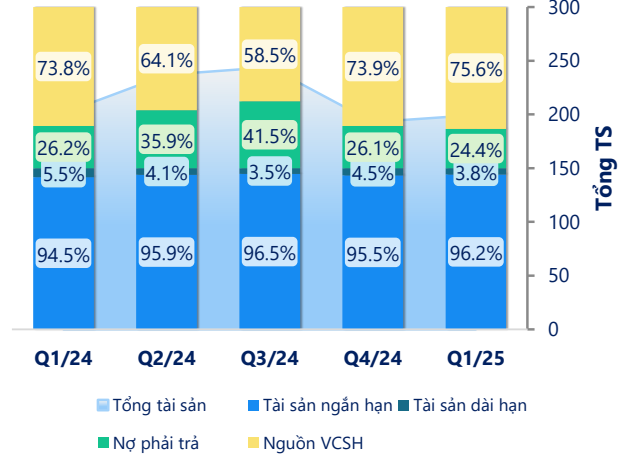
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

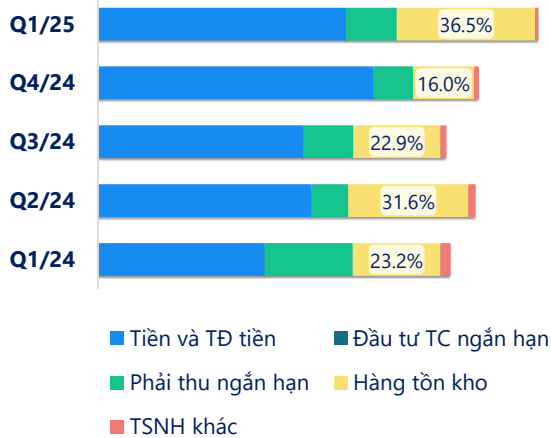
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



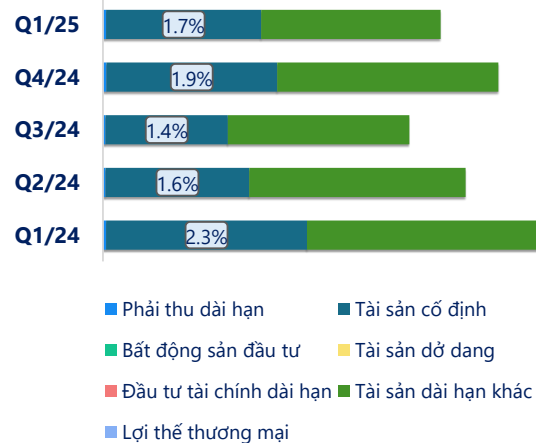
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

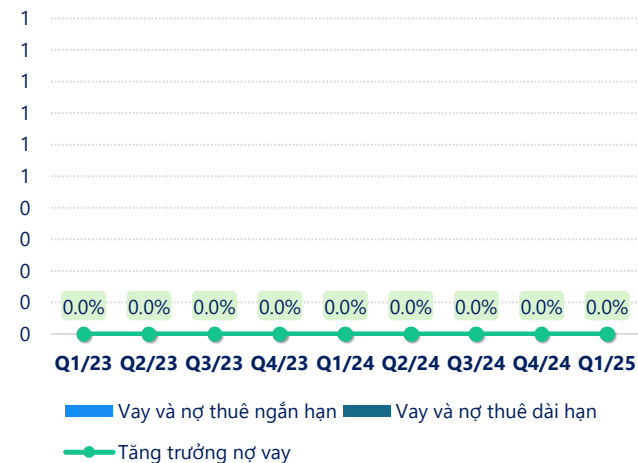
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

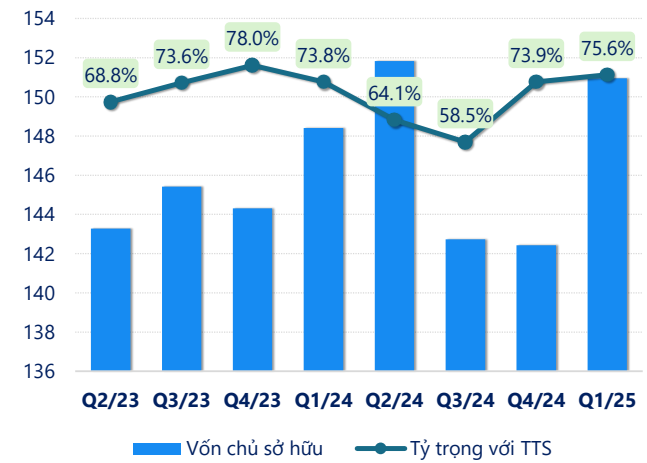
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

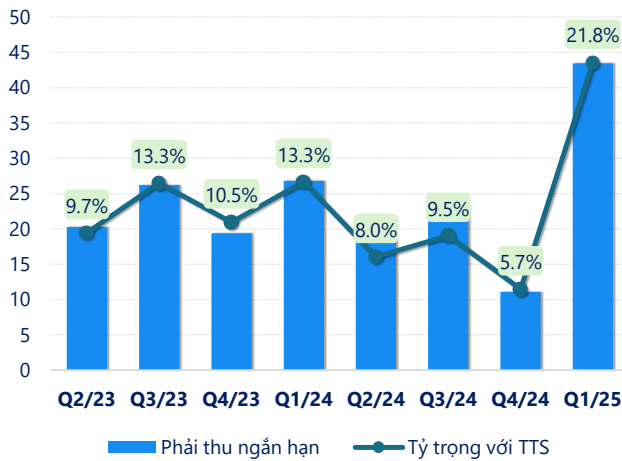
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



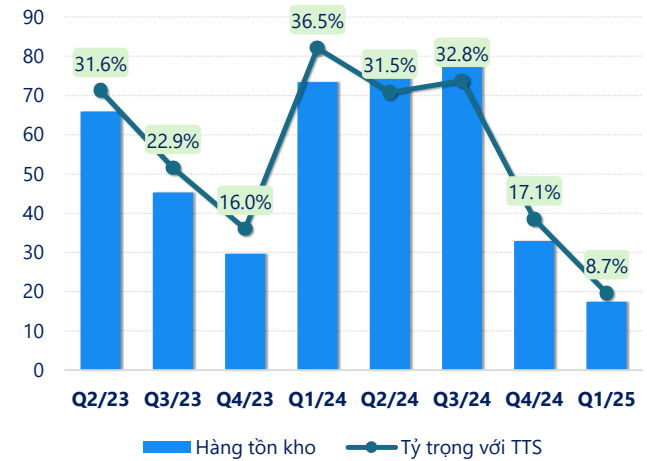
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


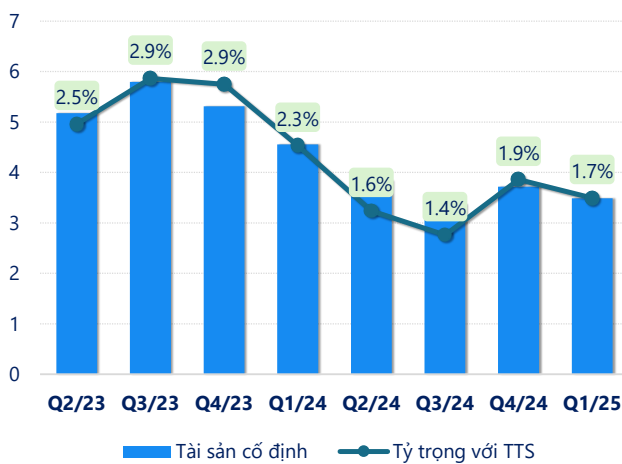
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


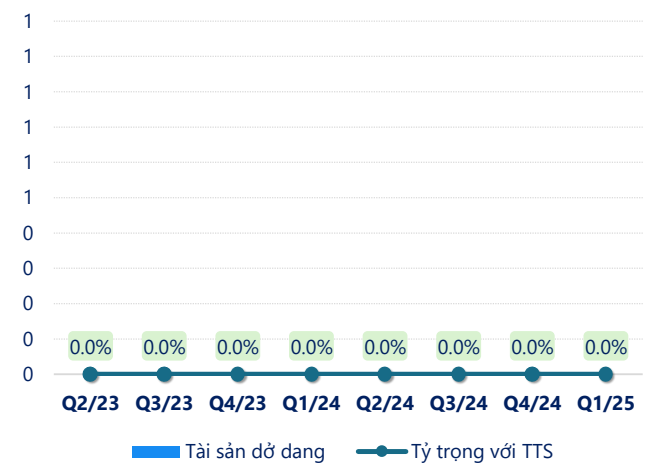
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

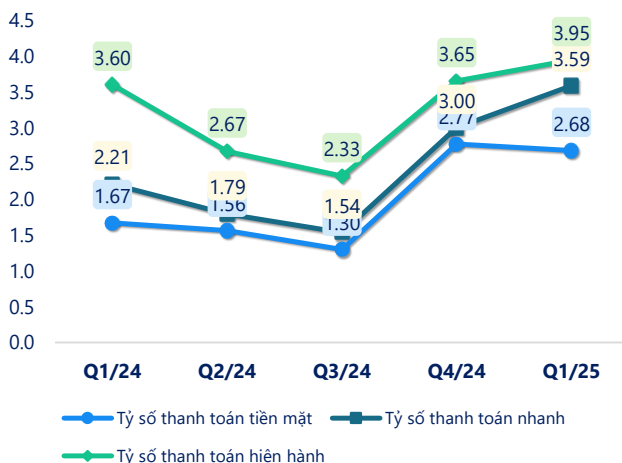
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	201	237	244	193	200
Tài sản ngắn hạn	190	227	236	184	192
Tiền và tương đương tiền	88.1	133	132	140	130
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	26.8	19.0	23.2	11.1	43.5
Hàng tồn kho	73.4	74.5	80.0	32.9	17.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.72	0.63	0.71	0.41	0.76
Tài sản dài hạn	11.1	9.69	8.44	8.60	7.61
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.07	0.07
Tài sản cố định	4.56	3.84	3.37	3.72	3.49
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.49	5.78	5.00	4.81	4.04
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	52.7	85.1	101	50.4	48.6
Nợ ngắn hạn	52.7	85.1	101	50.4	48.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.40	5.07	6.68	17.6	2.45
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	148	152	143	142	151
Vốn chủ sở hữu	148	152	143	142	151
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)